

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CAO HỌC KHÓA 12  
CHUYÊN NGÀNH: Quản lý kinh tế

1. Học kỳ 1: Bắt đầu từ ngày 16/9/2017 - 15/01/2018

| TT                      | Tên môn học                      | Số TC |      |     | Giảng viên            | Thời gian dạy     | Ghi chú |
|-------------------------|----------------------------------|-------|------|-----|-----------------------|-------------------|---------|
|                         |                                  | Tổng  | LT   | TH  |                       |                   |         |
| 1.1. Học phần bắt buộc: |                                  |       |      |     |                       |                   |         |
| 1                       | Triết học                        | 4     | 4    | 0   | ThS. Trần Khải Định   | 16/9 - 30/12/2017 |         |
| 2                       | Kinh tế vi mô nâng cao           | 3     | 3    | 0   | TS. Đỗ Thị Nga        |                   |         |
| 3                       | Kinh tế vĩ mô nâng cao           | 3     | 3    | 0   | TS. Lê Đức Niêm       |                   |         |
| 4                       | Kinh tế học quản lý              | 3     | 3    | 0   | TS. Tuyết Hoa Niêkdăm |                   |         |
| 5                       | Phương pháp phân tích định lượng | 2     | 1,5  | 0,5 | TS. Nguyễn Văn Hóa    |                   |         |
| 1.2. Học phần tự chọn:  |                                  |       |      |     |                       |                   |         |
|                         | Cộng học kỳ 1:                   | 15    | 14,5 | 0,5 |                       |                   |         |
|                         | Ôn và thi học kỳ 1               |       |      |     |                       | 01-15/01/2018     |         |

2. Học kỳ 2: Bắt đầu từ ngày 16/01 - 15/5/2018

| TT                      | Tên môn học                           | Số TC |     |     | Giảng viên               | Thời gian dạy     | Ghi chú |
|-------------------------|---------------------------------------|-------|-----|-----|--------------------------|-------------------|---------|
|                         |                                       | Tổng  | LT  | TH  |                          |                   |         |
| 2.1. Học phần bắt buộc: |                                       |       |     |     |                          |                   |         |
| 1                       | Phương pháp NCKH                      | 2     | 1,5 | 0,5 | TS. Lê Đức Niêm          | 16/01 - 15/4/2018 |         |
| 2                       | Quản lý kinh tế vi mô và kinh tế năng | 3     | 3   | 0   | TS. Dương Thị Ái Nhi     |                   |         |
| 3                       | Chính sách công                       | 2     | 2   | 0   | PGS.TS. Nguyễn Phương Lê |                   |         |
| 4                       | Quản lý kinh tế nông nghiệp           | 2     | 2   | 0   | TS. Nguyễn Ngọc Thắng    |                   |         |
| 5                       | Quản lý chương trình và dự án         | 2     | 2   | 0   | TS. Nguyễn Văn Đạt       |                   |         |

| 2.2. Học phần tự chọn: Học 4 TC (Chọn 2 trong 3 học phần) |                                        |           |             |            |                                            |                     |  |
|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------|-------------|------------|--------------------------------------------|---------------------|--|
| 6                                                         | Kinh tế phát triển nâng cao            | 2         | 4           | 0          | TS. Tuyết Hoa Niêkdăm                      | 16/01 - 15/4/2018   |  |
| 7                                                         | Kinh tế quốc tế nâng cao               | 2         |             | 0          | TS. Đỗ Thị Nga                             |                     |  |
| 8                                                         | Chiến lược và kế hoạch phát triển KTXH | 2         |             | 0          | TS. Nguyễn Ngọc Châu<br>TS. Hoàng Văn Long |                     |  |
| <b>Cộng học kỳ 2:</b>                                     |                                        | <b>15</b> | <b>14,5</b> | <b>0,5</b> |                                            |                     |  |
| <b>Ôn và Thi học kỳ 2</b>                                 |                                        |           |             |            |                                            | <b>16-30/4/2018</b> |  |
| <b>Giao đề tài luận văn</b>                               |                                        |           |             |            |                                            | <b>01-15/5/2018</b> |  |

### 3. Học kỳ 3: Bắt đầu từ ngày 16/5 - 30/10/2018

| TT                                                                   | Tên môn học                           | Số TC |    |    | Giảng viên                                         | Thời gian dạy    | Ghi chú |
|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------|----|----|----------------------------------------------------|------------------|---------|
|                                                                      |                                       | Tổng  | LT | TH |                                                    |                  |         |
| 3.1. Học phần bắt buộc:                                              |                                       |       |    |    |                                                    |                  |         |
| 3.2. Học phần tự chọn: Học 14 TC (chọn 7 học phần trong 12 học phần) |                                       |       |    |    |                                                    |                  |         |
| 1                                                                    | Quản lý và lãnh đạo công              | 2     | 14 | 0  | TS. Lê Thế Phiệt<br>TS. Lê Đức Niêm                | 16/5 - 30/9/2018 |         |
| 2                                                                    | Phát triển nông thôn                  | 2     |    | 0  | TS. Nguyễn Văn Hóa                                 |                  |         |
| 3                                                                    | Tài chính phát triển                  | 2     |    | 0  | TS. Nguyễn Thị Hải Yến                             |                  |         |
| 4                                                                    | Lý thuyết ra quyết định trong quản lý | 2     |    | 0  | TS. Nguyễn Văn Hóa<br>TS. TS Lê Thế Phiệt          |                  |         |
| 5                                                                    | Kinh tế công cộng nâng cao            | 2     |    | 0  | PGS.TS. Nguyễn Phương Lê<br>TS. Nguyễn Thị Hải Yến |                  |         |
| 6                                                                    | Quản lý khoa học công nghệ            | 2     |    | 0  | TS. Nguyễn Thanh Trúc<br>TS. Nguyễn Thanh Nam      |                  |         |
| 7                                                                    | Kinh tế và quản lý đầu tư             | 2     |    | 0  | TS. Nguyễn Quốc Oánh                               |                  |         |
|                                                                      | Kinh tế và quản lý tài nguyên         | 2     |    | 0  | GS. TS. Nguyễn Văn Song                            |                  |         |



|    |                               |           |           |          |                         |                    |  |
|----|-------------------------------|-----------|-----------|----------|-------------------------|--------------------|--|
| 8  | Kinh tế và quản lý môi trường | 2         |           | 0        | GS. TS. Nguyễn Văn Song |                    |  |
| 9  | Quản lý nguồn nhân lực        | 2         |           | 0        | TS. Nguyễn Thanh Trúc   |                    |  |
| 10 | Phát triển vùng và địa phương | 2         |           | 0        | TS. Đỗ Thị Nga          | 16/5 - 30/9/2018   |  |
| 11 | Marketing địa phương          |           |           | 0        | TS. Từ Thái Giang       |                    |  |
|    |                               |           |           |          | TS. Lê Thế Phiệt        |                    |  |
|    | <b>Cộng học kỳ 3:</b>         | <b>24</b> | <b>14</b> | <b>0</b> |                         |                    |  |
|    | Ôn và Thi học kỳ 3            |           |           |          |                         | 01/10 - 15/10/2018 |  |
|    | Bảo vệ đề cương               |           |           |          |                         | 16/10 - 30/10/2018 |  |

#### 4. Học kỳ 4: Bắt đầu từ ngày

| TT | Tên môn học                   | Số TC |    |    | Thời gian           | Ghi chú |
|----|-------------------------------|-------|----|----|---------------------|---------|
|    |                               | Tổng  | LT | TH |                     |         |
| 1  | Luận văn tốt nghiệp           | 10    |    | 10 |                     |         |
| 2  | Báo cáo tiến độ luận văn      |       |    |    |                     |         |
| 3  | Thông qua luận văn cấp bộ môn |       |    |    | 01/11/2018-15/09/20 |         |
| 4  | Bảo vệ luận văn tốt nghiệp    |       |    |    |                     |         |

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 9 năm 2017

P. KHOA KINH TẾ

P.ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

K. HIỆU TRƯỞNG

*Ng. Thị Hoài Tiên*

*Trần Văn Dũng*



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
PGS-TS. Trần Trung Dũng